

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng thâm canh cây Ba Kích (*Morinda officinalis* How) dưới tán rừng**  
*(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ*  
*Nông nghiệp và PTNT)*

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng xen dưới tán rừng
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Ba kích thích hợp khí hậu ở các tỉnh Miền núi phía Bắc nước ta.
  - + Tuyệt đối không trồng nơi úng bí.
  - + Ba kích sinh trưởng và phát triển tốt trên các loại đất ẩm, mát và thoát nước, thành phần cơ giới trung bình, tầng đất dày, nhiều mùn, toi xốp, đất rừng thứ sinh nghèo kiệt, đất rừng khoanh nuôi phục hồi, độ tàn che 0,3-0,4.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.
- + Cây hom thân: chồi thứ cấp cao 20-25cm, rễ dài 5-6cm, có 5-6 cặp lá trở lên.
- + Cây con từ hạt: 6-7 tháng tuổi, cao 20-25 cm, có 5-6 cặp lá, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ trồng: 1000 cây/ha, hàng cách hàng 3,3 m, cây cách cây 3 mét. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85 \%$

**II. Phân cây giống, vật tư (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 1000                 | 600        | 800                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 100                  | 60         | 80                          |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 200                  | 80         | 120                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Bạch đàn Urô (*Eucalyptus urophylla* S.T -Blake)**  
**bằng các dòng vô tính chọn lọc**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT.)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Ưu khí hậu nóng ẩm hoặc hơi ẩm.
  - + Độ cao dưới 600 m so với mực nước biển. Độ dốc dưới 15°.
  - + Thích hợp với đất đồi trọc, trắng cỏ, cây bụi, đất sau nương rẫy và rừng nghèo kiệt, có tầng dày trung bình trên 40 cm. Thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến sét nhẹ, thoát nước tốt.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, giống được sản xuất bằng phương pháp mô hoặc hom. Cây con giống từ 2-2,5 tháng tuổi, chiều cao từ 25-35 cm, đường kính gốc 0,3 cm.
- Mật độ trồng: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục              | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|-----------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                       |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới         | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)   | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Phần triển khai:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh cây Bời lời đỏ (*Litsea glutinosa* C.B. Roxb)**  
*(Kèm theo quyết định số 4227 QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ*  
*Nông nghiệp và PTNT)*

**I. Yêu cầu kỹ thuật**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Thích hợp trồng ở vùng Tây Nguyên, Ven biển Trung trung bộ và các địa phương có điều kiện sinh thái tương tự, lượng mưa trung bình năm từ 1500-2500mm, nhiệt độ bình quân năm 20-23<sup>0</sup>C.
  - + Độ cao so với mặt nước biển dưới 700m, độ dốc dưới 25<sup>0</sup>
  - + Trồng trên các loại đất nâu đỏ, nâu vàng có tầng dày trên 50cm, thành phần cơ giới trung bình, giàu mùn, độ pH 4,5-6.0. Trồng trên đất có thực bì rừng thứ sinh nghèo kiệt, rừng phục hồi sau nương rẫy, thảm cỏ cây bụi còn tính chất đất rừng.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây giống tuổi từ 5-6 tháng tuổi, chiều cao 40-50 cm, đường kính cổ rễ 0,4-0,5 cm, số lá trên cây có từ 12-14 lá.
- Mật độ trồng: 2500 cây/ha, hàng cách hàng 2 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85 \%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 2500                 | 1500       | 2000                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 250                  | 150        | 200                         |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 500                  | 200        | 300                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 500                  | 200        | 300                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 500                  | 200        | 300                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng thâm canh cây Dó trầm (*Aquilaria crassna* Pierre)***Tên khác: Dó bầu, Trâm dó, Trâm Hương**(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)***I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần

- Điều kiện nơi trồng:

+ Nhiệt độ bình quân năm từ 20-25<sup>0</sup>C, lượng mưa trung bình năm trên 1500 mm.

+ Trồng trên nhiều loại đất khác nhau ( trừ đất đá vôi, đất cát, đất úng), độ dày tầng đất trên 50cm, đất ẩm, thoát nước, đất nhiều mùn, pH từ 4-6, trên đất rừng nghèo kiệt, đất sau nương rẫy.

- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống trên 12 tháng tuổi, chiều cao trên 40 cm, đường kính cổ rễ trên 0,3 cm, cây sinh trưởng tốt.

- Mật độ trồng: 1660 cây/ha, hàng cách hàng 3 m, cây cách cây 2 m, quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm.

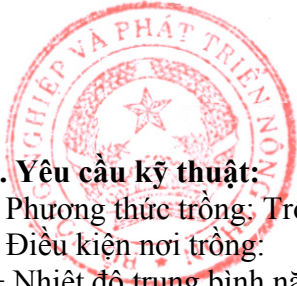
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .**II. Vật tư hỗ trợ****Tính cho 1 ha**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 1660                 | 996        | 1328                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 166                  | 100        | 133                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,3 kg/cây) | kg     | 498                  | 199        | 299                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,3 kg/cây)      | kg     | 498                  | 199        | 299                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,3 kg/cây)      | kg     | 498                  | 199        | 299                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng cây Giỏi xanh (*Michelia mediocris* Dandy)**  
*(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ*  
*Nông nghiệp và PTNT)*



**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Nhiệt độ trung bình năm từ 20-25 °C, lượng mưa bình quân 1500-2500 mm.
  - + Độ cao so với mực nước biển dưới 500-700 m.
  - + Thích hợp trên đất Feralit đỏ nâu, đỏ vàng, xám vàng, đất còn tính chất đất rừng, sâu, ẩm, thoát nước, tầng đất dày trên 40 cm.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống đạt trên 8 tháng tuổi, chiều cao trên 40 cm, đường kính cổ rễ 0,4 cm trở lên, cây con sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 1000 cây/ha, hàng cách hàng 3,3 m, cây cách cây 3 mét. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85 \%$

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 1000                 | 600        | 800                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 100                  | 60         | 80                          |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 200                  | 80         | 120                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A. Cunn)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Thích hợp ở độ cao dưới 700-800m so với mực nước biển.
  - + Đất phù sa châu thổ và phù sa khác, đất cát đã ổn định có màu vàng, nâu hay đỏ, đất phèn đã lên lớp, đất feralit trên các loại đá mẹ trầm tích biến chất, macma chua, macma kiềm ở vùng đồi và núi. Thành phần cơ giới không hạn chế, thích hợp nhất là đất thịt trung bình đến thịt nhẹ.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây giống đạt từ 2,5-3 tháng tuổi, chiều cao 20-35cm, đường kính cổ rễ 0,2-0,3 cm, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 m, cây cách cây 2 m, quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

## ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM

### Mô hình trồng rừng thâm canh Keo lai vô tính

(*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*)

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

#### I. Yêu cầu kỹ thuật:

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng
  - + Nhiệt độ khí thích hợp 22°C-35°C, lượng mưa trung bình từ 1500-2500mm, độ cao ≤ 500 m.
  - + Thích hợp đất xám, đất feralit, đất phù sa, đất bồi tụ, đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến sét trung bình; độ dày tầng đất trên 50cm; độ pH từ 4-6,5.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, giống được sản xuất bằng phương pháp mô hoặc hom, chiều cao cây con giống từ 25-30 cm, đường kính gốc 0,25-0,3 cm, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 2000 cây/ha, cây cách cây 2 m, hàng cách hàng 2,5 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt ≥ 85%

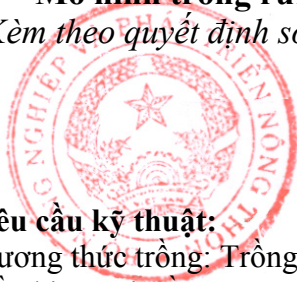
#### II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)

| Thời gian | Hạng mục                 | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|--------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                          |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới            | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)      | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK (0,2kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)    | Kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)    | Kg     | 400                  | 160        | 240                         |

#### III. Triển khai xây dựng mô hình:

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Keo tai tượng ( *Acacia mangium* Wild )**  
*(Kèm theo quyết định số 4227 QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ*  
*Nông nghiệp và PTNT)*



**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Độ cao từ 0 – 400 m
  - + Trồng được ở hầu hết các loại đất hiện có ở vùng trung du, đồng bằng Bắc bộ, trừ đất gầy nặng, sét nặng, mực nước ngầm cao (10-15cm).
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây giống đạt 2,5-3 tháng tuổi, chiều cao 20-25 cm đường kính cổ rễ 0,2-0,3 cm, cây giống sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 1660 cây/ha, hàng cách hàng 3 m, cây cách cây 2 m, quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 1660                 | 996        | 1328                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 166                  | 100        | 133                         |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 332                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 332                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 332                  | 133        | 200                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh cây Lát Mèxico ( *Cedrela odorata* )**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Nhiệt độ bình quân năm từ 25-26 °C, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1500-2000 mm.
  - + Độ cao dưới 400 – 500 mm so với mực nước biển, độ dốc  $\leq 15^0$ .
  - + Trồng trên đất đỏ Bazan, đất phù sa sông suối, đất đá vôi, đất vườn quanh nhà, đất còn giữ được nhiều tính chất đất rừng, tầng đất dày  $\leq 50$  cm. pH Kcl: 6-7
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.
- + Cây con có bầu: Trên 6 tháng tuổi, cây cao 35-40 cm, đường kính gốc khoảng 0,5-0,6 cm.
- + Cây con rễ trần phải đạt 12 tháng tuổi trở lên, cao trên 100 cm, đường kính gốc trên 1 cm, Cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 1000 cây/ha, hàng cách hàng 3,3 mét, cây cách cây 3 mét.(hoặc 4 x 2,5 m). Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm, đối với cây con rễ trần: quy cách hố 50 x 50 x 50 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 1000                 | 600        | 800                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 100                  | 60         | 80                          |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 200                  | 80         | 120                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng thâm canh cây Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance )***Tên khác: Mây tắt, Mây ruột gà, Mây vườn**(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)***I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Mây nếp phân bố khá rộng nhưng tập trung nhiều ở các tỉnh thuộc vùng Trung tâm, Đông Bắc Bắc bộ, đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Khu Bốn cũ, trồng dưới rừng có độ tàn che 0,3-0,5.
  - + Mây nếp thích hợp đất giàu mùn, tơi xốp, hàm lượng sét trung bình và thoát nước tốt.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống trên 18 tháng tuổi, chiều cao trên 20 cm, có tối thiểu 3 lá trở lên, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 3333 cây/ha, hàng, trồng theo hình tam giác trong 1 cụm cây trồng cây cách nhau 1 m, cụm cách cụm 3m, quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 3333                 | 2000       | 2666                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 333                  | 200        | 266                         |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 666                  | 266        | 400                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 666                  | 266        | 400                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 666                  | 266        | 400                         |

**III. Phần triển khai:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng rừng thâm canh cây Neem (*Azadirachta indica* A juss)**

Tên khác: Xoan chịu hạn

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Cây Neem thích hợp đất đai và vùng khí hậu ở các tỉnh Trung Trung bộ và Nam Trung bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.
- + Mật độ: 1660 cây/ha, hàng cách hàng 3 m, cây cách cây 2 m, Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm.
- + Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 1660                 | 996        | 1328                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 166                  | 100        | 133                         |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 332                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 332                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 332                  | 133        | 200                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Phi lao dòng TT 2.6 và TT 2.7 (601 và 701)**  
**( *Casuarina equisetifolia* Forst.f)**

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Thích hợp hầu hết những vùng khí hậu ven biển và vùng đồng bằng có ảnh hưởng của gió biển, thích hợp nhất là những vùng nóng ẩm.
  - + Nhiệt độ trung bình thích hợp từ 23 °C-27 °C, lượng mưa bình quân năm trên 700 mm, độ cao dưới 100 m so với mực nước biển.
  - + Trồng trên đất cát ven biển, đất phù sa đồng bằng, ven sông và đất bồi tụ chân đồi.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống 4-6 tháng tuổi, chiều cao 50-80cm, đường kính cổ rễ 0,25-0,35 cm, cây giống sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 2500 cây/ha, hàng cách hàng 2 m, cây cách cây 2 m, Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ         |                               |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|--------------------|-------------------------------|
|           |                           |        |                      | Đồng bằng ven biển | Biên giới, bãi ngang ven biển |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 2500                 | 1500               | 2000                          |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 250                  | 150                | 200                           |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 500                  | 200                | 300                           |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 500                  | 200                | 300                           |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 500                  | 200                | 300                           |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng rừng thâm canh cây Sa mộc ( *Cunninghamia sinensis* R.Bn)**

(Kèm theo quyết định số 4227 QĐ/BNN-KHCN Ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Nhiệt độ không khí bình quân năm 16°C-22°C, nhiều sương mù
  - + Độ cao so với mặt nước biển trên 800m .
  - + Tầng đất dày, ẩm, nhiều mùn, tơi xốp, thành phần cơ giới từ nhẹ đến trung bình, pH từ 5-7.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống 12-16 tháng tuổi, cây cao trên 25 cm, đường kính gốc 0,3 –0,4 cm.
- Mật độ: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 mét. cây cách cây 2 mét , Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85 \%$ .

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng thâm canh cây Sa nhân (*Amomum xanthioides*) dưới tán rừng**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN Ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần hoặc xen dưới tán rừng.
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Sa nhân phân bố rất rộng từ Nam ra Bắc, lượng mưa trung bình năm từ 1000-3000 mm.
  - + Độ cao dưới 800 m so với mực nước biển.
  - + Trồng dưới các loại rừng trồng và rừng gỗ tự nhiên có độ tàn che 0,5-0,6.
  - + Đất tốt, giàu mùn, giàu đạm và kali, đủ ẩm quanh năm, thoát nước tốt, còn tính chất đất rừng.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con từ hạt: 3- 4 tháng tuổi, cao 15- 20 cm, có 5- 6 lá, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 20 x 20 x 15 cm (cây con bằng hạt), 50 x 30 x 10 cm (cây con bằng thân ngầm).
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Phần triển khai:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |



**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh cây Sấu ghép (*Dracontomelum duperreanum* Pierre)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)



**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Cây Sấu ghép thích hợp điều kiện khí hậu, đất đai thổ nhưỡng ở các tỉnh như: Ninh Bình, Tuyên Quang, Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng Ninh.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, tuổi cây giống ghép xuất vườn từ 10-12 tháng tuổi, chiều cao trên 40cm trong đó chiều dài của cành ghép trên 20cm, vết ghép liền.
- Mật độ: 500 cây/ha, hàng cách hàng 5m, cây cách cây 4m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 500                  | 300        | 400                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 50                   | 30         | 40                          |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 100                  | 40         | 60                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |



**ĐÌNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**

**Mô hình trồng thâm canh Sưa ( *Dalbergia tonkinensis* Prain )**

*Tên khác: Trắc thối, Huê mộc*

*( Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng: Có thể trồng ở vùng phân bố tự nhiên của cây Sưa ở các tỉnh Bắc Giang, Quảng ninh, Ninh Bình, Hoà Bình, Hà Tây và một số tỉnh khác ở vùng Duyên hải miền trung.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống trên 6 tháng tuổi. Chiều cao đạt trên 30 cm, đường kính cổ rễ trên 0.3 cm, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 1650 cây/ha, hàng cách hàng 3 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 1650                 | 990        | 1320                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 165                  | 99         | 132                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 330                  | 132        | 198                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 330                  | 132        | 198                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 330                  | 132        | 198                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyên giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyên giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyên giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng rừng thâm canh cây Tẻch (*Tectona grandis* L)**

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN Ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Lượng mưa bình quân năm từ 1200-2500 mm, nhiệt độ bình quân năm từ 21-27<sup>0</sup>C.
  - + Độ cao so với mặt nước biển dưới 700 m, độ dốc dưới 15-20<sup>0</sup>.
  - + Tầng đất dày trên 50cm và thoát nước tốt, pH từ 5,5-7,5, NPK và đặc biệt Ca thuộc loại khá, không trồng Tẻch nơi đất mỏng bị kết von, đá ong hoá mạnh, đất quá chua hoặc quá kiềm, đất bị úng, sét nặng và gầy.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, trồng bằng cây con thân cụt (Stump), cây con giống trên 12 tháng tuổi, chiều cao trên 50 cm, đường kính cổ rễ trên 1 cm, cây sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 1660 cây/ha, cây cách cây 2 m, hàng cách hàng 3 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

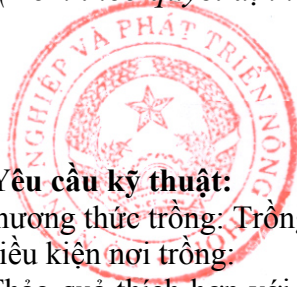
**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 1660                 | 1000       | 1333                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 166                  | 100        | 133                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 333                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 333                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 333                  | 133        | 200                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng thâm canh Thảo quả dưới tán rừng (*Amomum aromaticum* Roxb)**  
*(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ*  
*Nông nghiệp và PTNT)*



**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng xen dưới tán rừng
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Thảo quả thích hợp với khí hậu vùng nhiệt đới núi cao, nhiệt độ bình quân năm 15°C-20°C, lượng mưa trung bình trên 1800 mm.
  - + Độ cao từ 1000-2000 m so với mực nước biển.
  - + Thảo quả thích hợp ở dưới tán rừng trồng, rừng tự nhiên, độ tàn che 0,4-0,5.
  - + Đất feralit mùn trên núi cao, tầng đất mặt có màu xám đen, hàm lượng mùn trên 7%, thành phần cơ giới trung bình, tơi xốp, độ ẩm cao.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống: có từ 12-24 tháng tuổi, cao trên 25 cm., đường kính cổ rễ 0,5cm, có ít nhất 5 lá, sinh trưởng tốt, không sâu bệnh ( kể cả cây giống tách từ hom gốc).
- Mật độ: 1660 cây/ha, hàng cách hàng 3 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 1660                 | 996        | 1328                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 166                  | 100        | 133                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 332                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 332                  | 133        | 200                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 332                  | 133        | 200                         |

**III. Phần triển khai:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyên giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyên giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyên giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Thông Caribe (*Pinus caribaea* Morelet)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Thuần loài.
- Điều kiện gây trồng: Phù hợp hầu hết các vùng khí hậu Việt Nam song thích hợp nhất với khí hậu nóng ẩm, ít xuất hiện sương giá, nhiệt độ bình quân hàng năm từ 22-23<sup>0</sup> C. Trồng được trên các loại đất feralit, trên các vùng đồi núi thấp trung du và duyên hải, đất có thành phần cơ giới nhẹ hoặc trung bình, thoát nước, đất có độ pH từ 4-5. Độ cao dưới 500m so với mặt nước biển, độ dốc dưới 30<sup>0</sup>, độ dày tầng đất hữu hiệu 60 cm trở lên. Không trồng trên các loại đất sét nặng, bí, dày ở những thung lũng đất bồi tụ, kiềm cao.
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Cây con giống từ 3-5 tháng tuổi, chiều cao bình quân 15-30 cm, đường kính gốc 0,2- 0,3cm.
- Mật độ trồng: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5m, cây cách cây 2m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85 \%$ .

**II. Phân cây giống, vật tư ( tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Phân triển khai:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng rừng thâm canh cây Trám trắng ghép lấy quả****(*Canarium album* Lour Raeusch)***(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)***I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Thuần loài.
- Điều kiện gây trồng: Có thể trồng ở tất cả các vùng có trám trắng phân bố tự nhiên, có lượng mưa trung bình từ 1500-2000mm, nhiệt độ bình quân 22°C -24 °C. Thích hợp đất phù sa sông suối, đất feralit tầng dày trên 60cm, đất có thực bì là cây bụi phục hồi, rừng tái sinh nghèo kiệt. Không trồng trên đất ngập úng, chua phèn, bí chặt.
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Tuổi cây giống ghép xuất vườn từ 10-12 tháng tuổi, chiều cao trên 40 cm trong đó chiều dài của cành ghép trên 20cm
- Mật độ trồng: 500 cây/ha, hàng cách hàng 5 mét, cây cách cây 4 mét. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85 \%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 500                  | 300        | 400                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 50                   | 30         | 40                          |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | Kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | Kg     | 100                  | 40         | 60                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Tràm lá dài ( *Melaleuca leucadendra* L. )**

Tên khác: Tràm Úc, Tràm lơ ca

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT )

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Thuần loài.
- Điều kiện gây trồng: Đất phèn Đồng bằng sông Cửu long, đất cát Duyên Hải Miền Trung, đất ngập nước theo mùa ở các lòng hồ, sông, thung lũng núi đá vôi và vùng đất đồi. Độ cao dưới 200 m so với mực nước biển.
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Cây con giống đạt trên 2,5 tháng tuổi kể từ khi cấy, chiều cao cây từ 0,4-0,5 m, đường kính cổ rễ 0,2-0,3 cm.
- Mật độ: 10.000 cây /ha, hàng cách hàng 1 mét, cây cách cây 1 mét. Đất đồi gò, đất cát không ngập nước kích thước hố cuốc: 40 x 40 x 40 cm; đất bồi tụ cát, lầy, ven sông hồ: lên líp rộng 1 m, cao 0,2-0,3 m, rãnh rộng 0,5 m, sâu 0,2-0,3 cm. Đất phèn lên líp rộng 2-5 m, cao 0,2m, rãnh rộng 0,6-1m, sâu 0,5m.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .

**II. Vật tư hỗ trợ (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ                        |                                                 |                                         |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|           |                            |        |                      | Nông dân vùng đồng bằng, ven biển | Miền núi, vùng sâu, biên giới, hải đảo ven biển | Hộ nghèo ở miền núi, vùng sâu biên giới |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 10000                | 4000                              | 6000                                            | 8000                                    |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 1000                 | 400                               | 600                                             | 800                                     |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 2000                 | 400                               | 800                                             | 1200                                    |
| Năm thứ 2 | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 2000                 | 400                               | 800                                             | 1200                                    |
| Năm thứ 3 | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 2000                 | 400                               | 800                                             | 1200                                    |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Tre Diêm trúc (*Dendrocalamus ohhlami* Keng.F)**

Tên khác: Tre Bát độ

(Kèm theo quyết định số 4227 QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần.
- Điều kiện gây trồng: Ưu khía hậu nóng ẩm, độ cao dưới 400-500 m so với mực nước biển, có thể trồng trên đất vùng đồng bằng, trung du, miền núi, dốc dưới 15-20°, tầng đất dày, xốp giàu mùn, ẩm. Không trồng tre Diêm trúc nơi úng nước.
- Về giống: - Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Mỗi hom cành đem trồng có độ dài từ 25 – 30 cm, đường kính thân từ 1,5-2 cm, ở gốc có đủ hệ rễ thứ cấp.
- Mật độ trồng: 500 cây/ha, hàng cách hàng 5 mét, cây cách cây 4. mét. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm.
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                 | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|--------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                          |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới            | cây    | 500                  | 300        | 400                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)      | cây    | 50                   | 30         | 40                          |
|           | Phân bón NPK (0,3kg/cây) | kg     | 150                  | 60         | 90                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,3 kg/cây)    | Kg     | 150                  | 60         | 90                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,3 kg/cây)    | Kg     | 150                  | 60         | 90                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh cây Trôm (*Sterculia lanceolata*)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Thuần loài.
- Điều kiện gây trồng: Thích hợp với khí hậu, địa hình, đất đai ở các tỉnh ven biển nam Trung Bộ. Chịu được khí hậu khắc nghiệt, nắng nóng, lượng mưa thấp, 600-700mm/ năm, đất trồng đồi trọc nghèo xấu trên các loại đá mẹ thô như Granit, phù sa cổ, sa thạch, thậm chí có 80-90% là cát hay có nhiều đá lẫn hoặc đá lộ đầu. Mọc tốt trên vùng có khí hậu mưa ẩm, đất hình thành trên các loại đá mẹ hạt mịn, tầng dày, chua đến ít chua.
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Cây con giống đạt 4-6 tháng tuổi, chiều cao từ 30 cm trở lên, đường kính cổ rễ trên 0,35 cm.
- Mật độ trồng: 1000 cây /ha, hàng cách hàng 3,3 mét, cây cách cây 3 mét. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục              | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|-----------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                       |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới         | cây    | 1000                 | 600        | 800                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)   | cây    | 100                  | 60         | 80                          |
|           | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Trúc sào ( *Phyllostachys edulis* ( Carr ) H. de Leh )**  
*( Kèm theo quyết định số 4227 QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ*  
*Nông nghiệp và PTNT )*

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Thuần loài.
- Điều kiện gây trồng: Thích hợp với khí hậu, địa hình, đất đai ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và một số tỉnh miền núi phía Bắc có điều kiện sinh thái tương tự. Trồng trên đất còn tính chất đất rừng, tơi xốp, ẩm, nhiều mùn, thoát nước, độ sâu tầng đất từ 40 cm trở lên. Độ cao so với mặt nước biển từ 400 1500m, độ dốc nhỏ hơn 30°. Nhiệt độ không khí bình quân năm 19°C-22 °C, lượng mưa bình quân 1200 mm.
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.
- Mật độ trồng: 500 cây/ha, cây cách cây 4 mét, hàng cách hàng 5 mét. Quy cách hồ: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục              | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|-----------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                       |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới         | cây    | 500                  | 300        | 400                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)   | cây    | 50                   | 30         | 40                          |
|           | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây) |        | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | Kg     | 100                  | 40         | 60                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN LÂM****Mô hình trồng thâm canh rừng Xoan ta (*Melia azedarach* L.)**

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Thuần loài.
- Điều kiện gây trồng: Xoan ta có biên độ sinh thái rộng, có thể trồng ở hầu hết các tỉnh trên cả nước, từ vùng núi cao đến vùng đồng bằng. Độ cao dưới 1000m so với mực nước biển.. Đất thoát nước pH: 4-6
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Cây 12 tháng tuổi, chiều cao từ 1-2 mét, đường kính cổ rễ 2,5-3 cm
- Mật độ trồng: 1650 cây/ha, hàng cách hàng 3 mét, cây cách cây 2 mét. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục              | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|-----------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                       |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới         | cây    | 1650                 | 990        | 1320                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)   | cây    | 165                  | 99         | 132                         |
|           | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 330                  | 132        | 198                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 330                  | 132        | 198                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 330                  | 132        | 198                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng thâm canh rừng Dầu con rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb.Ex G. Don)**  
*(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần.
- Điều kiện nơi trồng: Tập trung ở các tỉnh vùng Đông nam bộ, Tây Nguyên..có khí hậu mưa mùa nhiệt đới, nhiệt độ bình quân trên 24 °C, nhiệt độ bình quân tháng lạnh nhất không thấp dưới 19 °C, Lượng mưa bình quân không dưới 1700mm và không quá 2200mm. Độ cao so với mực nước biển không quá 600m, độ dốc không quá 15°.
- Đất thích hợp là đất còn tính chất đất rừng, đất ẩm và thoát nước, có tầng đất dày trên 60cm, đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến sét trung bình, độ pH từ 4,5 – 6,5. Không trồng nơi đất phèn, úng ngập.
- Nguồn giống: Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. Cây con từ 12-14 tháng tuổi đạt tiêu chuẩn xuất vườn có đường kính gốc  $\geq 0,7$ cm, chiều cao  $\geq 75$ cm, cây khỏe, cân đối, không cụt ngọn, không bị sâu bệnh.
- Mật độ trồng: 550 cây/ha. Hàng cách hàng 4,5 m, cây cách cây 4 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ ( Tính cho 1 ha )**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 550                  | 330        | 440                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 55                   | 33         | 44                          |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 110                  | 44         | 66                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | Kg     | 110                  | 44         | 66                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | Kg     | 110                  | 44         | 66                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                            | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                            | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền              | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên thông tin đại chúng                    |
| 3   | Tham quan, hội thảo                 | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người / 20 – 25 ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Hồi ghép (*Illicium verum* Hook.F)**  
*(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
- + Hồi thích hợp độ cao 300-600m ở sườn và chân các vùng núi thấp.
- + Đất màu mỡ, còn có tính chất đất rừng, hàm lượng mùn cao, tầng đất sâu trên 1 m.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, cây con trên 2 năm tuổi đạt tiêu chuẩn xuất vườn, đường kính gốc  $\geq 0,8\text{cm}$ , chiều cao  $\geq 80\text{cm}$ , cây khỏe, sinh trưởng tốt.
- Mật độ: 660 cây/ha, hàng cách hàng 4 m, cây cách cây 4 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 660                  | 396        | 528                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 66                   | 40         | 53                          |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 132                  | 53         | 80                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 132                  | 53         | 80                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 132                  | 53         | 80                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng Huỷnh (*Tarrietia javanica* Blume)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ  
Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần.
- Điều kiện gây trồng: Đất thích hợp để trồng Huỷnh là loại đất còn tính chất đất rừng, Đất Feralit có tầng đất sâu trên 50cm, thành phần cơ giới trung bình, độ pH từ 4,5-5,5, đất ẩm nhưng thoát nước. Nhiệt độ trung bình năm từ 22-25°C, lượng mưa trung bình 1800-2500mm, nhiệt độ tối thấp không dưới 15°C tập trung chủ yếu ở các tỉnh Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và các vùng khác có điều kiện tương tự..
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Cây con 9 tháng tuổi chiều cao từ 35-40cm, cây 6 tháng tuổi chiều cao 20-25cm.
- Mật độ trồng: 1250 cây/ha, hàng cách hàng 4 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục              | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|-----------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                       |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới         | cây    | 1250                 | 750        | 1000                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)   | cây    | 125                  | 75         | 100                         |
|           | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 250                  | 100        | 150                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 250                  | 100        | 150                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 250                  | 100        | 150                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng thâm canh rừng Luồng (*Denrocalamus membranaceus* Munro)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần.
- Điều kiện nơi trồng:

Ưu khí hậu nóng ẩm, nhiệt độ trung bình 22° C, lượng mưa trung bình trên 1500 mm/năm. Độ cao tuyệt đối dưới 400m, độ dốc dưới 30°.

Thích hợp nơi có tầng đất dày, xốp giàu mùn, tầng đất sâu trên 60cm. Có thể trồng trên đất vùng đồng bằng, trung du, miền núi, đất ẩm thoát nước, độ pH của đất từ 3,8 – 7. Không trồng Luồng trên những nơi ngập úng, đất mặn, đất phèn, đất bị đá ong hoá.

- Nguồn giống: Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. Giống được tạo bằng hom chết, hom thân, cành chiết, nuôi dưỡng ở vườn ươm không dưới 4 tháng, đã có một thế hệ mới ra đủ cành, đủ lá. Đường kính thế hệ mới ra phải trên 0,7cm, giống không bị sâu bệnh.

- Mật độ trồng: 300 cây/ha. Hàng cách hàng 6 m, khóm cách khóm 5,5 m. Quy cách hố: 60 x 60 x 50 cm

- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha )**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 300                  | 180        | 240                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 30                   | 18         | 24                          |
|           | Phân bón NPK ( 0,3kg/cây) | kg     | 90                   | 36         | 54                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,3 kg/cây)     | Kg     | 90                   | 36         | 54                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,3 kg/cây)     | Kg     | 90                   | 36         | 54                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                            | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                            | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền              | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên thông tin đại chúng                    |
| 3   | Tham quan, hội thảo                 | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người / 20 – 25 ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy )**  
(Kèm theo quyết định số 4227 QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Nhiệt độ trung bình năm từ 22 – 24°C, lượng mưa trên 1.600mm, riêng vùng chịu ảnh hưởng của gió thì lượng mưa phải đạt trên 2.000mm.
  - + Đất rừng kiệt, rừng mới khai thác trắng, rừng nửa, rừng nửa xen những cây bụi, phong hoá trên phiến thạch sét, phiến thạch mi ca, sa phần thạch, lượng mùn từ trung bình trở lên (trên 2%) đất sâu trên 60cm, xốp ẩm.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây 4-6 tháng tuổi có 5-6 lá trở lên, cao 30-50 cm, đường kính gốc 3-5mm, cây 6-12 tháng tuổi cao 60-100 cm, đường kính gốc 6-10mm, cây xanh tốt, cứng cáp.
- + Mật độ: 2500 cây/ha, hàng cách hàng 2 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.
- + Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .

**II. Phần cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 2500                 | 1500       | 2000                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 250                  | 150        | 200                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 500                  | 200        | 300                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 500                  | 200        | 300                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 500                  | 200        | 300                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh cây Quế (Cinamomum cassia BL.)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Nhiệt độ bình quân năm 20-21<sup>0</sup>C, lượng mưa hàng năm trên 1800 mm, độ cao so với mặt nước biển dưới 700 m.
  - + Quế trồng trên nhiều loại đất khác nhau, có độ dày tầng đất trên 50 cm, đất ẩm nhưng thoát nước, đất nhiều mùn (>3%), độ pH từ 4-5,5. Quế thích hợp đất có thực bì là rừng thứ sinh nghèo kiệt, rừng phục hồi.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, cây con từ 18-24 tháng tuổi đạt tiêu chuẩn xuất vườn, đường kính gốc từ 0,4 - 0,5cm, chiều cao từ 25 - 30cm, cây khỏe.
- Mật độ: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt ≥ 85%

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng thâm canh rừng Sao đen (*Hopea odorata* Roxb)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng: Sao đen sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong điều kiện khí hậu nhiệt đới có 2 mùa mưa và khô rõ rệt, nhiệt độ trung bình là 24 – 25<sup>0</sup>C, lượng mưa 1800 – 2000mm/năm, độ cao so với mực nước biển dưới 800m
- Sinh trưởng tốt trên đất phù sa cổ, đất sét pha cát ở vùng Đông Nam Bộ, thích hợp nhất trên đất Bazan ẩm, mát với độ pH từ 4,5-5,0.
- Nguồn giống: Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. Cây con trên 12 tháng tuổi đạt tiêu chuẩn xuất vườn, đường kính gốc từ 0,4 - 0,5cm, chiều cao từ 1 – 1,2m, cây khỏe, cân đối, không cụt ngọn, không bị sâu bệnh.
- Mật độ trồng: 500 cây/ha Cự ly: Hàng cách hàng 5 m, cây cách cây 4 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ ( Tính cho 1 ha )**

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 500                  | 300        | 400                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 50                   | 30         | 40                          |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | Kg     | 100                  | 40         | 60                          |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | Kg     | 100                  | 40         | 60                          |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                            | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                            | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền              | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên thông tin đại chúng                    |
| 3   | Tham quan, hội thảo                 | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người / 20 – 25 ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng thâm canh Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana* Lamb)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần
- Điều kiện nơi trồng:
  - + Độ cao trung bình so với mực nước biển trên 700 m, nhiệt độ bình quân năm từ 17-22<sup>0</sup>C, lượng mưa hàng năm từ 1000-1500 mm.
  - + Đất thích hợp trồng thông đuôi ngựa là các loại đất hình thành từ đá mẹ mácma chua, có thành phần cơ giới nhẹ, độ xốp cao, dễ thoát nước đất có tầng mùn từ ít đến trung bình. Độ pH từ 4- 4,5.
- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, cây con từ 6-9 tháng tuổi đạt tiêu chuẩn xuất vườn, đường kính gốc từ 0,25 – 0,3cm, chiều cao từ 25-30cm.
- + Mật độ: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm
- + Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)**

| Thời gian | Hạng mục                  | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|---------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                           |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới             | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)       | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)     | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

## QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM

### Mô hình trồng rừng thâm canh Thông nhựa

(*Pinus merkusii* jungh et de Vries)

(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

#### I. Yêu cầu kỹ thuật:

- Phương thức trồng: Trồng thuần

- Điều kiện nơi trồng:

+ Trồng được trên các loại đất feralit, trên các vùng đồi núi thấp trung du và duyên hải, đất có thành phần cơ giới nhẹ hoặc trung bình, thoát nước, đất có độ pH từ 4-5. Thực bì cỏ lông lợn, sim, mua, ràng ràng, lau lách cây bụi, nửa tếp.

- Về giống: Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp, cây con giống từ 12 - 18 tháng tuổi, chiều cao đạt trên 12 cm, đường kính gốc 0,6- 0,8 cm, cây sinh trưởng tốt.

+ Mật độ: 2000 cây/ha, hàng cách hàng 2,5 m, cây cách cây 2 m, quy cách hố: 30 x 30 x 30 cm.

+ Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$ .

#### II. Phân cây giống, vật tư: (tính cho 1 ha)

| Thời gian | Hạng mục                   | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức hỗ trợ |                             |
|-----------|----------------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                            |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới              | cây    | 2000                 | 1200       | 1600                        |
|           | Cây trồng dặm (10%)        | cây    | 200                  | 120        | 160                         |
|           | Phân bón NPK ( 0,2 kg/cây) | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây)      | kg     | 400                  | 160        | 240                         |

#### III. Phần triển khai:

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                   | Năm thứ 3                                                 |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày. | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày. |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình.                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng     |
| 3   | Tham quan, hội thảo, tổng kết.   | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                                | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                  |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                     | 4 tháng                                                   |

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN LÂM**  
**Mô hình trồng rừng Trám đen (*Canarium nigrum* Enger)**  
(Kèm theo quyết định số 4227/QĐ/BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Phương thức trồng: Trồng thuần.
- Điều kiện gây trồng: Được trồng phổ biến ở các tỉnh phía Bắc, lượng mưa từ 1500-2000mm/năm, ở độ cao dưới 1000m. Đất trồng trám đen thích hợp là đất feralit đỏ vàng, phát triển tốt trên đá mẹ phiến thạch sét, phiến thạch mica, riolit. Đất dày, ẩm, thoát nước, độ pH từ 4-5. Trám đen không chịu được rét, sương muối. Cây ưa sáng, nhưng 2 năm đầu chịu bóng càn có độ tàn che 40-50%
- Về giống: Tuân thủ theo các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp. Cây con giống từ 7 - 8 tháng tuổi đạt tiêu chuẩn xuất vườn, đường kính gốc 0,6- 0,8cm, chiều cao 60 -70 cm.
- Mật độ trồng: 1000 cây/ha, hàng cách hàng 5 m, cây cách cây 2 m. Quy cách hố: 40 x 40 x 40 cm
- Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm đạt  $\geq 85\%$

**II. Vật tư hỗ trợ (Tính cho 1 ha)**

|           | Hạng mục              | Đơn vị | Yêu cầu chương trình | Mức Hỗ trợ |                             |
|-----------|-----------------------|--------|----------------------|------------|-----------------------------|
|           |                       |        |                      | Miền núi   | Vùng sâu biên giới, hải đảo |
| Thời gian |                       |        |                      |            |                             |
| Năm thứ 1 | Cây trồng mới         | cây    | 1000                 | 600        | 800                         |
|           | Cây trồng dặm (10%)   | cây    | 100                  | 60         | 80                          |
|           | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 2 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |
| Năm thứ 3 | Phân NPK (0,2 kg/cây) | kg     | 200                  | 80         | 120                         |

**III. Triển khai xây dựng mô hình:**

| STT | Hạng mục                         | Năm thứ 1                                         | Năm thứ 2                                                  | Năm thứ 3                                                |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Tập huấn                         | Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày | Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày |
| 2   | Thông tin tuyên truyền           | Xây dựng biển quảng cáo mô hình                   | Viết bài quảng bá mô hình                                  | Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng    |
| 3   | Tham quan, hội thảo              | Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần                     | Sơ kết 1 lần                                               | Tổng kết, hội thảo 1 lần                                 |
| 4   | Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 - 25ha | 9 tháng                                           | 6 tháng                                                    | 4 tháng                                                  |